

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7
(Từ ngày 08/11/2021 đến ngày 13/11/2021)

Bài 9: VẼ TRANG TRÍ
TRANG TRÍ ĐỒ VẬT CÓ DẠNG HÌNH CHỮ NHẬT

A. LÝ THUYẾT

I. Quan sát, nhận xét:

- Trong cuộc sống, ta thường gặp nhiều đồ vật có dạng hình chữ nhật được trang trí đẹp như khay đựng chén, cái thảm, cái khăn, hộp bánh; các bức chạm gỗ trên bàn, ghế, giường, tủ...
- Cách trang trí trên mỗi loại đồ vật rất đa dạng và phong phú:
 - + Hoa tiết chính đặt ở trọng tâm bình, họa tiết phụ đặt ở xung quanh, các góc được đặt hài hòa, cân đối.
 - + Họa tiết đặt xen kẽ và nối tiếp nhau.
 - + Họa tiết đặt tự do.
- Các hình trang trí có nội dung: hoa, lá, chim, thú, phong cảnh...
- Các họa tiết được vẽ, chạm, trở theo thể loại trang trí.



II. Cách trang trí:

- Chọn đồ vật trang trí (cái thảm, cái khăn, hộp bánh,...).
- Chọn họa tiết (hoa, lá, chim, thú).
- Bố cục theo ý thích. Nếu đặt họa tiết đăng đối, xen kẽ, nên kẻ các trục ngang, trục dọc, đường chéo... để sắp xếp họa tiết cho cân đối.
- Màu sắc: nên chọn 3-5 màu, có màu đậm, có màu nhạt, sao cho khi vẽ các màu tạo nên hòa sắc đẹp.

B. BÀI TẬP

Câu hỏi bài tập:

Trang trí một đồ vật có dạng hình chữ nhật (20cm x 15cm, giấy A4)

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Hoàng Phương SĐT: 0383871263

Trường: THCS PHAN CÔNG HÓN

Tổ: Âm nhạc – Mỹ Thuật

MÔN: ÂM NHẠC - KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến 13/11/2021)

BÀI 3 - Tên chủ đề: HÒA BÌNH – HỮU NGHỊ (3 tiết)

A. Phần lý thuyết:

Tiết 10

Ôn hát: Chúng em cần hòa bình

Tập đọc nhạc: TĐN số 4 “Mùa xuân về”

Bài đọc thêm: Hội xuân “Sắc bùa”

A. Phần lý thuyết:

I. Ôn hát:

- *Thực hành thuần thục bài hát*

II. Tập đọc nhạc số 4 “Mùa xuân về”

- Giới thiệu sơ lược đôi nét về nhạc sĩ Phan Trần Bản
- Tìm hiểu bài hát về: nhịp, kí hiệu âm nhạc, chia câu
 - ❖ Câu 1: Boong bính..... bùng binh.
 - ❖ Câu 2: Chiêng trống..... lòng vang
 - ❖ Câu 3: Theo con...nương ngàn
 - ❖ Câu 4: Chiêng trống...xuân về
 - ❖ Câu 5: Chiêng trống...mùa xuân.
- Đọc đúng cao độ, trường độ bài tập đọc nhạc.

III. Bài đọc thêm:

Một hình thức chúc tụng cầu mong được mùa, mong cuộc sống bình yên cho mọi người...diễn ra vào mùa xuân của đồng bào Mường.

B. Phần bài tập:

- Học thuộc lòng bài hát.
- Tìm thêm một số mẫu chuyện nêu cao tinh thần đoàn kết trong cuộc sống.
- Thực hành thuần thục bài TĐN số 4.

- Tập trình bày 1 bài hát theo chủ đề theo hình thức đơn ca hoặc song ca.

Mùa xuân về

Nhạc và lời : PHAN TRẦN BẢNG

Vừa phải



Boong bính boong ! Binh bùng binh ! Chiêng trống đang hoà vang lòng
vang. Theo con suối, theo nương ngàn chiêng trống đang gọi mùa xuân
về. Chiêng trống đang gọi ca mùa xuân.

**Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ theo GVBM - Huyền Trang:
0979838830**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 7

(Từ ngày 08/11/2021- 13/11/2021)

Văn bản CẢNH KHUYA RẦM THÁNG GIÊNG (Hồ Chí Minh)

I. Đọc hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Hồ Chí Minh (1890 - 1969).
- Anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, nhà thơ lớn.

2. Tác phẩm:

- “Cảnh khuya” Viết năm 1947.
- “ Rầm tháng giêng” Viết năm 1948.
- Cả hai bài thơ đều được viết ở chiến khu Việt Bắc, trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.
- Thể thơ : thất ngôn tứ tuyệt Đường luật

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Văn bản : Cảnh khuya

a.Bức tranh cảnh khuya:

- “ Tiếng suối trong như tiếng hát xa.
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa”

* So sánh, điệp ngữ

->Cảnh vật sống động, tầng lớp lung linh, quán quýt, có đường nét, hình khối đa dạng với hai mảng màu sáng, tối.

=>Vẻ đẹp lung linh huyền ảo, vừa cổ kính vừa trang nghiêm, đầy sức sống.

b.. Tâm trạng của Bác:

“Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà”

* Điệp ngữ

-> Rung động, say mê trước cảnh đẹp đêm trăng bằng cả tâm hồn đồng thời vẫn lo cho vận mệnh của đất nước, cho cách mạng.

=> Sự thống nhất giữa nhà thơ và người chiến sĩ

2. Văn bản : Rằm tháng giêng.

a. Hai câu đầu:

“ Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên

Xuân giang xuân thủy tiếp xuân thiên;

- Diệp ngữ: "xuân".

-> Không gian cao rộng bát ngát, tràn đầy ánh sáng và sức sống của mùa xuân trong đêm rằm tháng giêng.

-> Nhấn mạnh sự diễn tả vẻ đẹp và sức sống mùa xuân đang tràn ngập cả đất trời.

=> Cảm xúc nồng nàn, thiết tha trước vẻ đẹp thiên nhiên của Bác

b. Hai câu cuối:

- “ Yên ba thâm xứ đàm quân sự
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền”

- Từ ngữ, hình ảnh gợi cảm.

-> Hiện thực cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ.

-> Tâm hồn yêu trăng, yêu thiên nhiên, gắn với lòng yêu nước

=> Phong thái ung dung, lạc quan, bình tĩnh, chủ động của Bác Hồ Chí Minh.

III. Ghi nhớ : (SGK/143).

IV. Luyện tập :

Tìm đọc và chép lại một số bài thơ, câu thơ của Bác Hồ viết về trăng hoặc cảnh thiên nhiên ?

.....

HƯỚNG DẪN ĐỌC THƠ TRUNG ĐẠI NƯỚC NGOÀI

XA NGẮM THÁC NÚI LƯ'
(Vọng Lư sơn bộc bố)

Lí Bạch

I. Đọc hiểu chú thích:

1. Tác giả :

- Lí Bạch (701-762).
- Là nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc đời Đường, được mệnh danh là “Tiên thơ”.

2. Tác phẩm:

- In trong tập thơ Đường, tập II.
- Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Vẻ đẹp nhìn từ xa của thác nước chảy từ đỉnh Hương Lô:

* Câu thơ đầu:

“Nhật **chiếu** Hương Lô **sinh** tử yên”

-> Toàn cảnh núi Hương Lô dưới phản quang của ánh nắng mặt trời rực rỡ, kì ảo: Dưới ánh mặt trời ngọn núi như chiếc lư hương khổng lồ đang nghi ngút tỏa làn khói tía vào vũ trụ.

* **Ba câu tiếp theo:** Những vẻ đẹp khác nhau của thác nước.

- “Dao khan bệc bố quải tiền xuyên”.
- > Đứng xa trông dòng thác treo cao như dải lụa treo giữa vách núi và dòng sông.
- “**Phi** lưu **trực** há tam thiên xích”
- > Gọi tả tốc độ mạnh mẽ, mãnh liệt của thác nước.
- “**Nghi** thị Ngân Hà **lạc** cửu thiên.”
- > Sự huyền ảo, vẻ đẹp tráng lệ, hùng vĩ của thác nước.

2. Tâm hồn thi nhân

- Trí tưởng tượng bay bổng trước cảnh đẹp của quê hương, đất nước.
- Tình yêu thiên nhiên đắm thắm.

III. Ghi nhớ : (SGK/112)

Văn bản :

BÀI CA NHÀ TRANH BỊ GIÓ THU PHÁ

(Mao ốc vị thu phong sở phá ca)

(Đỗ Phủ)

I. Đọc hiểu chú thích:

1. Tác giả:

- Đỗ Phủ (712-770). Là nhà thơ nổi tiếng đời Đường Trung Quốc.

2. Tác phẩm:

Thể thơ: Thơ cổ thể (tự do)

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Nỗi thống khổ của nhà thơ:

a. Cảnh nhà bị gió thu phá:

- Tranh bay:
- + Mảnh cao
- + Mảnh thấp
- * Từ ngữ gợi tả đặc sắc, phép liệt kê.

- Cảnh tan tác, tiêu điều.
- Nỗi khổ về vật chất
- Cảnh đời đói khổ, xót xa.

b. Cảnh bọn trẻ cướp tranh:

- Cảnh:
- + Xô cướp giật
- + Cướp tranh đi tuốt
- + Ông già: Môi khô, miệng cháy, lòng âm ứ.
- Tâm trạng: Cay đắng, xót xa cho thân phận của mình và muôn người
- > Đau đớn trước cảnh xã hội loạn lạc đảo điên.

c. Cảnh đêm mưa trong nhà bị tốc mái:

- Ngoài trời:
 - + Đêm đen đặc
 - + dày hạt mưa, mưa chẳng dứt.
 - Trong nhà:
 - + Nhà dột, chăn lạnh, con đập, không ngủ.
 - Nghệ thuật miêu tả vừa khái quát vừa cụ thể.
- Cuộc sống nghèo khổ, bất hạnh, tâm trạng trần trọc, lo lắng, không ngủ được
- Khái quát về hiện thực cuộc sống của người nghèo khổ, thấm thía sâu sắc nỗi khổ của người nghèo, giải bày cay đắng ngấm lên án giai cấp thống trị.

2. Ước nguyện của tác giả:

- Mong ước: Có nhà rộng ngàn gian che cho người nghèo khắp thiên hạ.
 - Sẵn sàng chịu gian khổ một mình.
- ⇒ Mong ước cao cả, tâm hồn, tấm lòng nhân hậu, nhân ái, giàu đức hi sinh.

III. Ghi nhớ: (tr 134/sgk)

III. Luyện tập

Bài 2

Lòng nhân ái, vị tha; tinh thần nhân đạo sâu sắc của Đỗ Phủ.

Tiếng Việt: TỪ ĐỒNG ÂM

I. Tìm hiểu bài:

1. Thế nào là từ đồng âm ?

a. VD:(SGK/135)

- Nghĩa của các từ lòng:
- + Lòng 1: chỉ hoạt động , động tác của con ngựa
- > động từ
- + Lòng 2: đồ vật làm bằng tre, gọi tên sự vật

- > danh từ
- > Phát âm giống nhau nhưng nghĩa khác xa nhau
- => Từ đồng âm.

2. Sử dụng từ đồng âm

* Ví dụ 1 (SGK/136)

- Phân biệt nghĩa của từ **lòng**: dựa vào ngữ cảnh.

* Ví dụ 2:

Đem cá về kho !

- Kho 1: nơi chứa cá (DT) – Đem cá về nhập kho.
- Kho 2: cách chế biến thức ăn (ĐT) – Đem cá về để kho.

-> Chú ý đến ngữ cảnh để tránh hiểu sai nghĩa của từ, hoặc không dùng từ với nghĩa nước đôi.

II. Ghi nhớ: (SGK / 135-136)

II. Luyện tập:

Câu 2

- a - Cái cổ: phần giữa đầu và thân.
- Cổ tay: Phần nối bàn tay với cánh tay.
- b. Các từ đồng âm với danh từ cổ:
- Cổ kính : xưa cũ
- Cổ động : cổ vũ, động viên
- Cổ lỗ: cũ kĩ quá

Câu 3 : - bàn (danh từ) – bàn (động từ)

Chúng tôi bàn với nhau chuyển cái bàn đi chỗ khác.

- Sâu (danh từ) – sâu (động từ):

Những con sâu làm cho vỏ cây bị nứt sâu hơn.

- Năm (danh từ) – năm (số từ):

Có một năm anh Ba về quê năm lần.

.....
.

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI HỌC:

Hoạt động 1: HƯỚNG DẪN ĐỌC VĂN BẢN

Câu 1: Cảnh khuya và Rằm tháng giêng được viết trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Hai bài thơ đó đã thể hiện tâm hồn và phong thái của Bác Hồ như thế nào trong hoàn cảnh ấy ?

Hoạt động 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT – TẬP LÀM VĂN

- Ba (danh từ) – ba (số từ)

- đậu (danh từ) - đậu (động từ)

MOI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 – TUẦN 10

(Từ 08/11/2021 đến 13/11/2021)

Nội dung: Tiếp tục ôn Bài thể dục phát triển chung với cờ. (9 động tác)

Chạy nhanh: Thực hiện động tác bổ trợ và phát triển thể lực.

Ôn: Đứng Mặt hướng chạy – xuất phát.

Đứng tại chỗ đánh tay.

Chạy bước nhỏ.

Học: Chạy gót chạm mông.

A. Ôn: Bài thể dục phát triển chung với cờ lớp 7:

1. **Khởi động:** Thực hiện một số động tác xoay các khớp – căng cơ – ép dẻo.
(Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).
2. **Ôn: Bài Thể dục phát triển chung với cờ** 9 động tác (Vươn thở, Tay, Chân, Lườn, Bụng, Phối hợp, Thăng Bằng, Nhảy, Điều Hòa) cả lớp. (2 lần)

B. Chạy nhanh: Ôn các động tác bổ trợ và phát triển thể lực.

(Xem clip mẫu – Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện làm theo).

+ Đứng mặt hướng chạy – xuất phát.

- **Chuẩn bị:** Đứng hai bàn chân song song sát vào nhau, mũi bàn chân sát vạch xuất phát, người thẳng, hai tay buông tự nhiên.
- **Động tác:** Khi có lệnh “**xuất phát**”, kiễng chân, dồn thân trên về trước, sau đó nhanh chóng xuất phát và chạy nhanh về đích.

+ Đứng tại chỗ đánh tay:

- **Chuẩn bị:** Đứng chân trước, chân sau hoặc hai chân song song cách nhau một khoảng nhỏ hơn vai. Hai đầu gối hơi khụy, hai tay co, trọng tâm dồn trên hai chân.
- **Động tác:** Đánh tay theo nhịp độ tăng dần, góc độ giữa cánh tay và cẳng tay nhỏ dần đến mức độ hợp lý.

+ Chạy bước nhỏ:

- **Chuẩn bị:** Đứng thẳng, hai tay buông tự nhiên, hai bàn chân gần sát vào nhau, hai mũi chân sát vạch xuất phát.
- **Động tác:** Hai chân luân phiên chạy những bước ngắn về trước (không nâng cao gối), tăng dần tăng số. Khi bàn chân chạm đất cần nhẹ nhàng và có thao tác hơi miết xuống đất sao cho bàn chân chạm đất từ mũi bàn

chân đến hết nửa bàn chân trên. Cổ chân cần linh hoạt, không để cả bàn chân hoặc gót chân chạm đất, toàn thân thả lỏng.

+ **Lưu ý:** Khi chạy không nâng cao gối, bước quá dài, cổ chân và toàn thân không thả lỏng.

+ **Học: Chạy Gót chạm hông.**

- **Chuẩn bị:** Đứng sát vạch xuất phát, thân trên hơi ngã về trước, hai tay buông tự nhiên.

- **Động tác:** Bước ra trước một bước, khoảng 0.3 – 0.4m. Khi nâng chân sau, cần hất gót bàn chân chạm hông, sau đó nhanh chóng đưa ra trước chạm đất bằng nửa bàn chân trên. Hai tay hơi co, đánh phối hợp tự nhiên với chân, thân trên thẳng hoặc hơi ngã về trước. Động tác được phối hợp một cách nhịp nhàng với tốc độ chậm, sau đó nhanh vừa chạy về trước.

❖ **Phiếu học tập:** Các em về nhà xem tài liệu và clip mẫu của bài “Chạy nhanh”, nhớ tập luyện thường xuyên các tư thế xuất phát hỗ trợ cho môn chạy nhanh – Đứng tại chỗ đánh tay – Chạy bước nhỏ - Chạy gót chạm hông để nắm vững và nhớ kỹ thuật động tác 1 cách chính xác (Thực hiện các động tác tại chỗ: Mỗi động tác thực hiện 2 lần x 30 giây) Tiếp tục ôn thật kỹ toàn bài Thẻ dực phát triển chung với cờ (9 đ/t). Lưu ý các em cần phải nhớ tên thứ tự từng động tác.

Các em trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Em hãy trình bày kỹ thuật Chạy bước nhỏ?

Câu 2: Em hãy trình bày kỹ thuật Chạy gót chạm hông?

- HẾT

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến ngày 13/11/2021)

Tiết 19, 20: ÔN TẬP CHƯƠNG 2,3,4,5

Nội dung: Vẽ biểu đồ cột

A. LÝ THUYẾT

1. Dấu hiệu nhận biết

Dạng biểu đồ cột được sử dụng để chỉ sự khác biệt về quy mô khối lượng của 1 hay 1 số đối tượng địa lý hoặc sử dụng để thực hiện tương quan về độ lớn giữa các đại lượng. Ví dụ: Vẽ biểu đồ so sánh dân số, diện tích ...của 1 số tỉnh (Vùng, nước) hoặc vẽ biểu đồ so sánh sản lượng (Lúa, ngô, điện, than...) của 1 số địa phương qua 1 số năm.

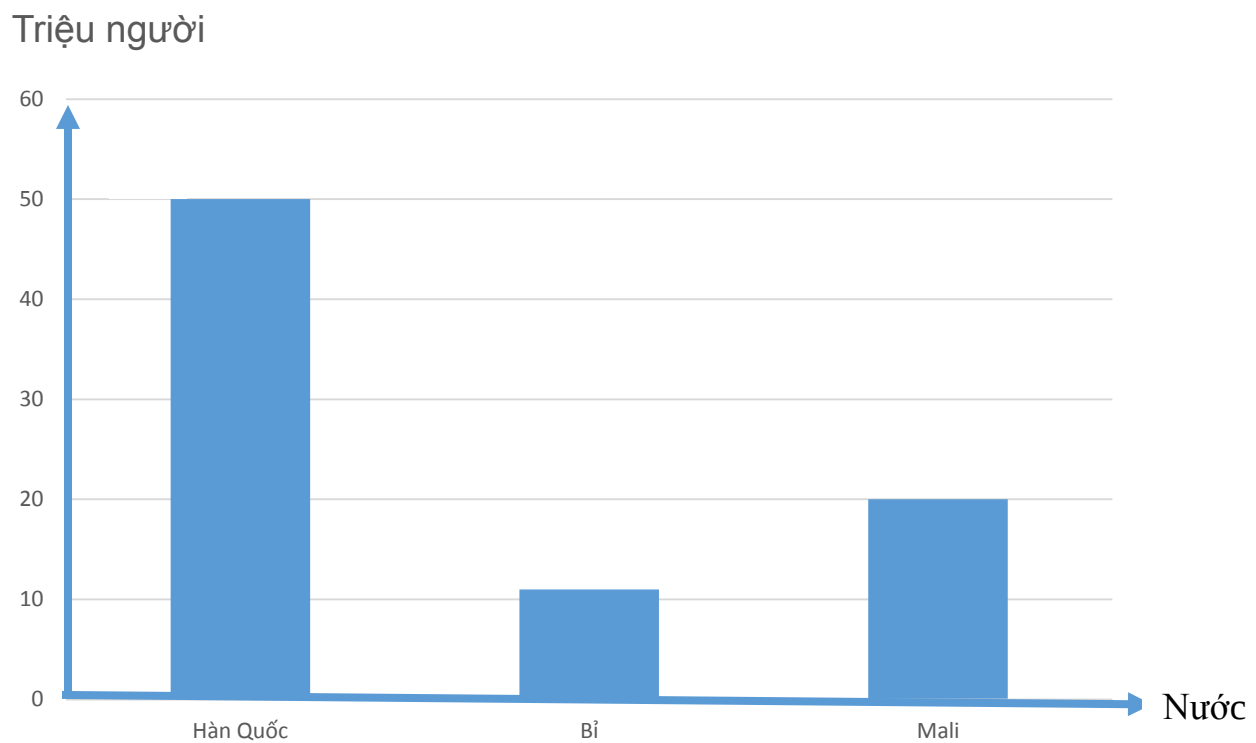
2. Các bước vẽ biểu đồ cột

- Bước 1: Vẽ hệ trục tọa độ bao gồm 2 trục: trục ngang và trục dọc, chỗ giao nhau giữa 2 trục tạo thành gốc tọa độ có giá trị bằng 0.
 - Bước 2: Chia tỉ lệ trên trục tung sao cho chính xác (theo đề bài)
 - Bước 3: Ghi các mốc thời gian hoặc quốc gia trên trục ngang theo thứ tự trên đề.
 - Bước 4: Viết tên đại lượng ở đầu phía trên trục dọc và bên phải của trục ngang
 - Bước 5: Vẽ các cột theo số liệu trên đề bài.
 - Bước 6: Ghi tên biểu đồ
- Lưu ý: Độ rộng các cột phải bằng nhau.

VÍ DỤ: Vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số của các nước sau:

Nước	Dân số (triệu người)
Hàn Quốc	50
Bỉ	11
Mali	20

Sau khi làm theo các bước trên ta có biểu đồ hoàn chỉnh như sau:



BIỂU ĐỒ CỘT THỂ HIỆN DÂN SỐ CỦA CÁC NƯỚC: HÀN QUỐC, BỈ VÀ MALI

BÀI TẬP: Cho bảng số liệu:

Nước	Dân số (triệu người)
Pê ru	33
Su đân	44
Cam-pu chia	16

Em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số của các nước Peru, Sudan, Cam-pu chia?

(Lưu ý: Hoàn thành bài vẽ biểu đồ hoàn chỉnh vào tập viết)

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Thắng

-SĐT: 0962253101

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ VẬT LÝ

MÔN VẬT LÝ KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến ngày 13/11/2021)

CHỦ ĐỀ 9: NGUỒN ÂM

A. LÝ THUYẾT

I. NGUỒN ÂM

- Ta gọi tất âm thanh là âm. Các vật phát ra âm được gọi là **nguồn âm**.

- Ví dụ:

- + Con chim đang hát.
- + Cái trống đang đánh phát ra tiếng.
- + Cây sáo đang được thổi.



Âm thoa dao động khi dùng búa gỗ

II. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA CÁC NGUỒN ÂM

* Sự rung động (chuyển động qua lại) quanh vị trí cân bằng của nhánh âm thoa được gọi là **dao động**

* *Vị trí cân bằng là vị trí lúc vật đứng yên.*

Kết luận: Các vật phát ra âm đều dao động.

- Ví dụ:

- + Khi gõ vào mặt trống, mặt trống rung động (dao động) và phát ra âm thanh.
- + Khi kéo dây thun rồi thả tay ra lúc đó dây thun rung động (dao động) và phát ra âm thanh.

❖ VÍ DỤ MINH HỌA

Không chỉ muỗi, nhiều loài côn trùng như ruồi, ong,...cũng phát ra âm thanh khi bay.

Các em có thể giải thích vì sao? Khi bay bộ phận nào trên cơ thể của chúng phát ra âm?

Trả lời: Khi bay, muỗi và nhiều loài côn trùng như ruồi, ong,...cũng phát ra âm thanh khi bay vì cánh của các loài vật này dao động và phát ra âm.

A. BÀI TẬP

PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1: Hãy chọn câu trả lời SAI:

- A. Nguồn âm là vật phát ra âm thanh.
- B. Khi gõ dùi vào trống thì mặt trống rung động phát ra âm thanh.
- C. Khi dùng búa cao su gõ nhẹ vào âm thoa thì âm thoa dao động phát ra âm thanh.
- D. Khi thổi sáo thì nguồn phát ra âm thanh là các lỗ sáo.

Bài 2: Khi người ta dùng dùi gõ vào các thanh đá thuộc bộ đàn đá thì ta nghe thấy âm thanh phát ra. Vật phát ra âm thanh đó là:

- A. Dùi gõ
- B. Các thanh đá
- C. Lớp không khí
- D. Dùi gõ và các thanh đá

Bài 3: Kéo căng sợi dây cao su. Dùng tay bật sợi dây cao su đó, ta nghe thấy âm thanh.

Nguồn âm là:

- A. Sợi dây cao su
- B. Bàn tay
- C. Không khí
- D. Cả A và C

Bài 4: Khi bầu trời xung quanh ta có dông, ta thường nghe thấy tiếng sấm. Nguồn âm phát ra là:

- A. Các lớp không khí va chạm nhau.
- B. Do nhiều hơi nước trong không khí va chạm nhau.
- C. Lớp không khí ở đó dao động mạnh.
- D. Lớp không khí ở đó bị nén mạnh.

Bài 5: Khi luồng gió thổi qua rừng cây, ta nghe thấy âm thanh phát ra. Vật phát ra âm thanh là:

- A. luồng gió
- B. luồng gió và lá cây
- C. lá cây
- D. thân cây

Bài 6: Ban đêm vắng lặng, ta có thể nghe tiếng vo ve của muỗi. Tiếng này phát ra từ miệng của nó hay là do một bộ phận nào khác phát ra?

.....

.....

.....

Bài 7: Em hãy quan sát một số chiếc loa điện đang phát ra âm (hình H9.11).

Khi loa phát ra âm, bộ phận nào của loa dao động ?

Em hãy nêu cách để kiểm tra bộ phận này dao động khi loa phát ra âm.



.....

.....

.....

.....

.....

☆DẶN DÒ:

- Phần bài học chép vào vở
- Phần bài tập nghiên cứu thêm SGK để làm bài tập

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- 1. Cô Oanh SĐT: 0374.560.523
- 2. Cô Tâm SĐT: 0975.375.268

SINH HỌC 7 - TUẦN 10

(từ 8/11/2021 đến 13/11/2021)

Tiết 19: NGÀNH THÂN MỀM

I. TRAI SÔNG:

1. Nơi sống:

2. Hình dạng- Cấu tạo:

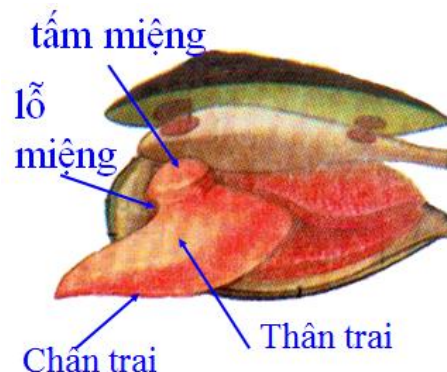
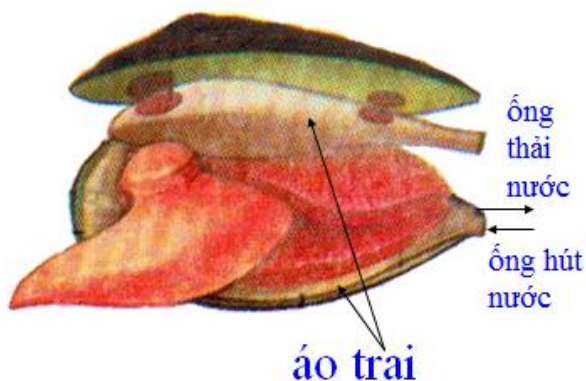
a.Vỏ trai gồm:

-gắn với nhau nhờ bản lề ở phía lưng che chở cơ thể.

-(bám chắc mặt trong của vỏ) điều chỉnh đóng mở vỏ.

- Gồm 3 lớp:bọc ngoài; lớp đá vôi ở giữa; lớp xà cừ trong cùng.

b.Cơ thể trai



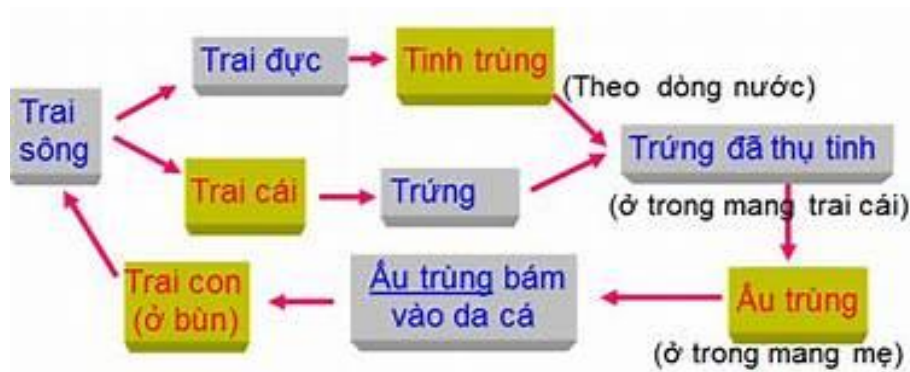
3. Di chuyển:

- Di chuyển bằng.....

- Nhờ chân trai , kết hợp động tác đóng mở vỏ → trai sông di chuyển.....trong bùn.

4. **Dinh dưỡng:** Nhờ sự rung động của các lông trên tấm miệng, tai hút nước qua ống hút vào.....qua mang (tiếp nhận ôxi) đến miệng (giữ lại thức ăn) Kiểu dinh dưỡng thụ động.

5 .**Sinh sản:** Cơ thể trai



Các em hãy đọc thông tin và quan sát hình trong sách giáo khoa bản giấy(hoặc điện tử) để chọn những cụm từ thích hợp sau điền vào chỗ trống ở trên.(Hai mảnh vỏ, phân tính, khoang áo, chân hình rìu, thò ra thụt vào, chặm chạp, lớp sừng, cơ khép vỏ, nước ngọt)

- **CÂU HỎI Củng cố kiến thức:**
 1. Tại sao khi trai sông chết thường mở vỏ?
 2. Lớp nào của vỏ sinh ra ngọc trai?

***Tiết 20: KIỂM TRA GIỮA KỲ**

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (SĐT: 0389097016)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến ngày 13/11/2021)

CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH

TIẾT 1 – BÀI 4:

SỬ DỤNG CÁC HÀM ĐỂ TÍNH TOÁN

1. Hàm trong chương trình bảng tính

- Hàm là công thức (hoặc kết hợp nhiều công thức) được định nghĩa từ trước.
- Hàm được sử dụng để thực hiện tính toán theo công thức với các giá trị dữ liệu cụ thể.

VD: Tính trung bình cộng ba số 3, 10 và 2, ta sử dụng hàm AVERAGE

=AVERAGE(3,10,2)

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến ngày 13/11/2021)

PHIẾU HỌC TẬP

✚ **Điền vào chỗ trống:**

- Hàm là công thức
- Hàm được sử dụng để
-

✚ **Đáp án bài tập tuần trước:**

Điền vào các ô tính có dấu ???

(Lưu ý lập công thức có chứa địa chỉ ô tính)

	A	B	C	D	E	F	G
1	a	b	a+b	a-b	a*b	a:b	a ^b
2	15	3	??	??	??	??	??

Trong ô C2 gõ: **=A2+B2**

Trong ô D2 gõ: **=A2-B2**

Trong ô E2 gõ: **=A2*B2**

Trong ô F2 gõ: **=A2/B2**

Trong ô G2 gõ: **=A2^B2**

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TOÁN

ĐẠI SỐ KHỐI 7

(Từ ngày 8/11/2021 đến ngày 14/11/2021)

Số vô tỉ. Khái niệm về căn bậc hai.

1. Số vô tỉ

Số vô tỉ là số viết được dưới dạng số thập phân vô hạn không tuần hoàn.

Tập hợp các số vô tỉ được kí hiệu là **I**.

Ví dụ: 2,71828... là số vô tỉ

2. Khái niệm về căn bậc hai

Ví dụ: tính: $3^2 = 9$ và $(-3)^2 = 9$

Ta nói: 3 và -3 là các căn bậc hai của 9

a) Định nghĩa:

Căn bậc hai của một số a không âm là số x sao cho $x^2 = a$

- Số 0 chỉ có 1 căn bậc 2 là chính nó. Viết $\sqrt{0} = 0$
- Số dương a có đúng 2 căn bậc hai là $\sqrt{a}$; $-\sqrt{a}$
- Số âm không có căn bậc 2.

b) Tính chất: Với hai số dương bất kì a và b.

+) Nếu $a = b$ thì $\sqrt{a} = \sqrt{b}$

+) Nếu $a < b$ thì $\sqrt{a} < \sqrt{b}$

?1. Tìm các căn bậc 2 của 16 và -16

Các căn bậc 2 của 16 là 4 và -4.

Các căn bậc 2 của -16 không tồn tại.

?2. Viết các căn bậc hai của 3; 10; 25;?

Các căn bậc hai của 3 là : $\sqrt{3}$ và $-\sqrt{3}$

Các căn bậc hai của 10 là : $\sqrt{10}$ và $-\sqrt{10}$

Các căn bậc hai của 25 là : $\sqrt{25}$ và $-\sqrt{25}$

Bài tập

Bài 1 (PHT) Theo mẫu:

Vì $2^2 = 4$ nên $\sqrt{4} = 2$

Hãy hoàn thành bài tập sau :

Vì $5^2 = \dots$ nên $\dots$

Vì $7^2 = \dots$ nên $\dots$

Vì $3^2 = \dots$ nên $\dots$

Vì $\left(\frac{2}{3}\right)^2 = \dots$ nên $\dots$

Bài 85 SGK trang 42. Điền vào ô trống

x	4		0,25		$(-3)^2$		10^4		$\frac{9}{4}$	
$\sqrt{x}$		4		0,25		$(-3)^2$		10^4		$\frac{9}{4}$

SỐ THỰC

1. Số thực

Số hữu tỉ và số vô tỉ được gọi chung là số thực.

Tập hợp các số thực được kí hiệu là **R**.

$$\mathbf{R = Q \cup I}$$

Với $x, y \in \mathbf{R}$, ta luôn có: hoặc $x = y$ hoặc $x < y$ hoặc $x > y$

Với a, b là hai số thực dương, ta có:

$$\text{nếu } a > b \text{ thì } \sqrt{a} > \sqrt{b}$$

Số thực lớn hơn 0 gọi là số thực dương.

Số thực nhỏ hơn 0 gọi là số thực âm.

Số 0 không là số thực dương cũng không là số thực âm.

Ví dụ: 2; 3,14; $\sqrt{5}$; $\frac{-4}{3}$;... đều là những số thực.

2. Trục số thực

- Mỗi số thực được biểu diễn bởi một điểm trên trục số.
- Ngược lại mỗi điểm trên trục số đều biểu diễn một số thực.

Chỉ có tập hợp số thực mới lấp đầy trục số.

Chú ý: Các phép toán trong tập hợp các số thực cũng có các tính chất tương tự như các phép toán trong tập hợp số hữu tỉ.

Ta có $\mathbf{N \subset Z \subset Q \subset R}$.

Bài tập

Bài 1: Điền các dấu ($\in, \notin, \subset$) thích hợp vào chỗ trống “....”

3.....Q; 3.....R; 3.....I; -2,53.....Q;

0,2(35).....I; N.....Z; I.....R.

Bài 2: Điền vào chỗ trống (...) trong các phát biểu sau:

- Nếu a là số thực thì a là số hoặc số
- Nếu b là số vô tỉ thì b viết được dưới dạng

HÌNH HỌC KHỐI 7

TỔNG BA GÓC CỦA MỘT TAM GIÁC

1. Tổng ba góc của một tam giác

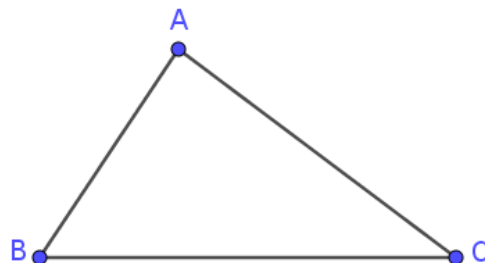
Định lí: Tổng ba góc của một tam giác bằng 180^0

Ví dụ:

Xét tam giác ABC có:

$$\widehat{ABC} + \widehat{BAC} + \widehat{ACB} = 180^0$$

(Định lý tổng ba góc của một tam giác)



2. Áp dụng vào tam giác vuông.

Định nghĩa: Tam giác vuông là tam giác có 1 góc vuông

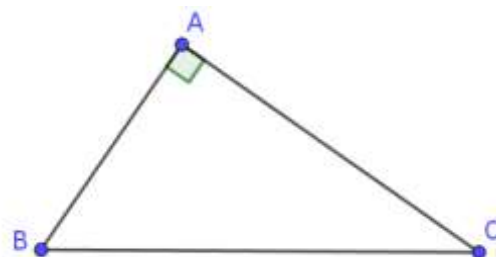
Định lý: Trong tam giác vuông, hai góc nhọn phụ nhau.

Ví dụ:

Xét tam giác ABC vuông tại A, ta có:

$$\widehat{ABC} + \widehat{ACB} = 90^0$$

(hai góc nhọn phụ nhau)



3. Góc ngoài của tam giác

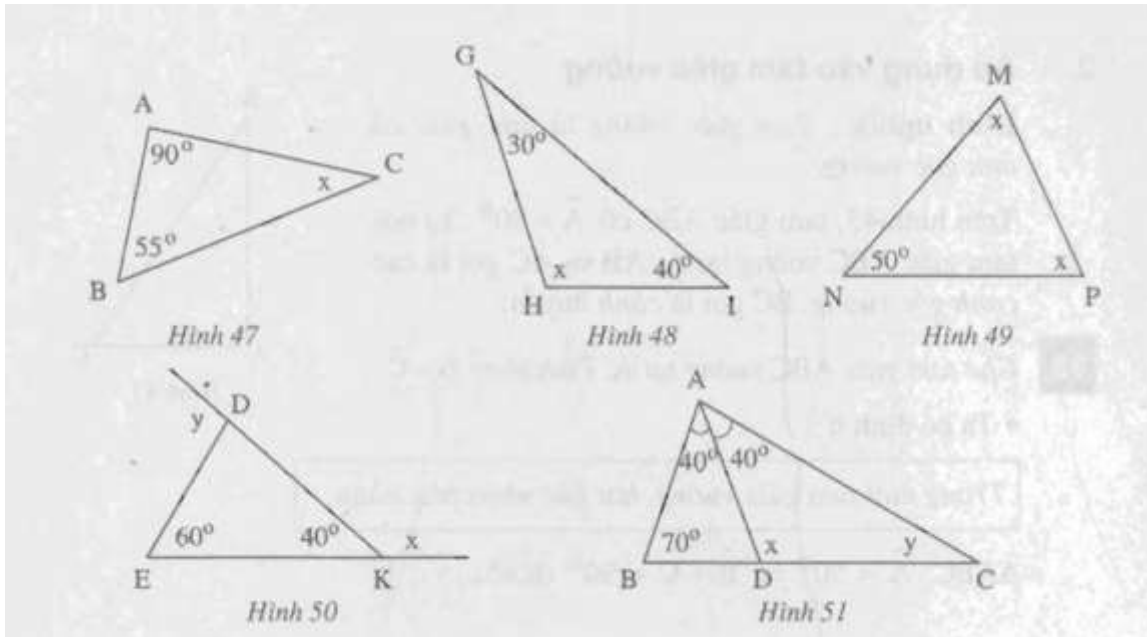
a) Định nghĩa: Góc ngoài của tam giác là góc kề bù với một góc của tam giác.

b) Định lí: Mỗi góc ngoài của một tam giác bằng tổng hai góc trong không kề với nó.

c) Nhận xét: Góc ngoài của tam giác lớn hơn mỗi góc trong không kề với nó.

Bài tập:

Bài 1 trang 107. Tính các số đo x và y trong các hình dưới



Hình 47.

Xét tam giác ABC, ta có:

$$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = 180^\circ \text{ (tổng ba góc trong tam giác)}$$

$$90^\circ + 55^\circ + \hat{C} = 180^\circ$$

$$145^\circ + \hat{C} = 180^\circ$$

$$\hat{C} = 180^\circ - 145^\circ$$

$$\hat{C} = 35^\circ$$

Bài 2 SGK trang 108

Cho tam giác ABC có $\hat{B} = 80^\circ$, $\hat{C} = 30^\circ$. Tia phân giác của góc A cắt BC ở D . Tính $\widehat{ADC}$, $\widehat{ADB}$.

PHIẾU HỌC TẬP

Câu 1: điền vào chỗ trống (...):

$$\sqrt{25} = \sqrt{5^2} = 5$$

$$\sqrt{49} = \dots$$

$$\sqrt{16} = \dots$$

$$\sqrt{36} = \dots$$

Câu 2: Điền các số thích hợp vào ô trống:

Cạnh hình vuông	4			13
Diện tích hình vuông		196	225	

Câu 3. Tìm x biết

a. $(x - 1)^2 = 9$

b. $(2x - 3)^2 = 36$

c. $x^2 + 1 = 0$

d. $x^2 - 1 = 0$

Hướng dẫn:

a) $(x - 1)^2 = 9$

$$x - 1 = 9 \text{ hay } x - 1 = -9$$

$$x = 9 + 1 \text{ hay } x = -9 + 1$$

$$x = 10 \text{ hay } x = -8$$

c) $x^2 + 1 = 0$

$$x^2 = -1$$

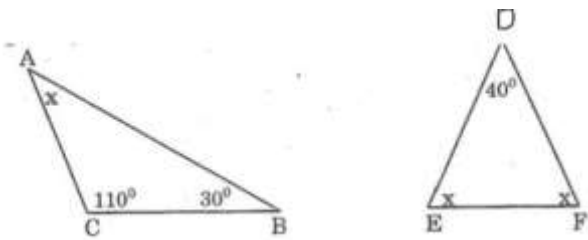
Vì $x^2 \geq 0$ mà $-1 < 0$ nên không có giá trị của x thỏa đề bài

Câu 3. Điền các dấu ($\in$, $\notin$, $\subset$) thích hợp vào ô vuông:

-2 Q; 1 R; $\sqrt{2}$ I

$-3\frac{1}{5}$ Z; $\sqrt{9}$ N; N R

Câu 4: Tìm x, trong các hình sau:



Hình 1.

Xét tam giác ABC, ta có:

$\hat{A} + \hat{B} + \hat{C} = \dots^\circ$ (tổng ba góc trong tam giác)

$$x + \dots + \dots = 180^\circ$$

$$x + \dots = 180^\circ$$

$$x = 180^\circ - \dots$$

$$x = \dots$$

Hình 2. (HS tự làm)

HS: LÊ VÕ PHƯƠNG TÂM 7/12
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

MÃ ĐỀ 5

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2021-2022

MÔN: TOÁN. KHỐI LỚP 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

Bài 1 (3 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3} + \frac{3}{4}$

b) $\frac{2}{3} \cdot \frac{6}{5} - \frac{14}{5}$

c) $\left(\frac{-1}{2}\right)^2 + \left(\frac{-5}{3}\right) : \frac{2}{5}$

Bài 2 (2 điểm) Tìm x biết:

a) $x - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$

b) $\left|x + \frac{2}{3}\right| = \frac{5}{4}$

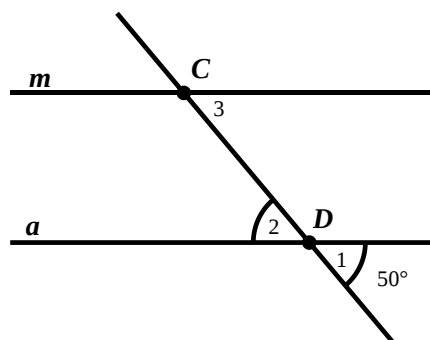
Bài 3 (1 điểm) Tìm a, b biết: $\frac{a}{2} = \frac{b}{5}$ và $a + b = 14$

Bài 4 (1 điểm) Tìm số học sinh của lớp 7A và 7B, biết số học sinh lớp 7A nhiều hơn lớp 7B là 4 học sinh và số học sinh của lớp 7A và 7B lần lượt tỉ lệ với 7; 6.

Bài 5 (1 điểm) Ở hình bên cho biết $m \parallel a$ và $D_1 = 50^\circ$

a. Tính số đo D_2

b. Tính số đo C_3



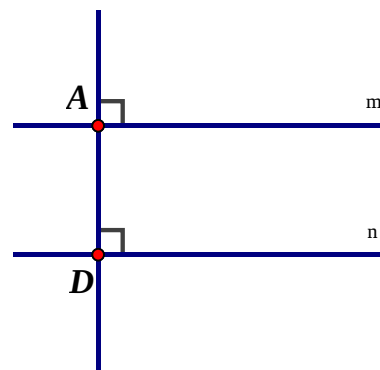
Bài 6 (2 điểm) cho hình vẽ

a) Chứng minh: $m \parallel n$

b) Lấy điểm E thuộc đường thẳng m (E không trùng A)

Qua E vẽ đường thẳng q cắt đường thẳng n tại I.

Chứng minh: $\widehat{EIn} = \widehat{EDI} + \widehat{DEI}$



--HẾT--

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: SỬ- GDCD

MÔN GDCD. KHỐI 7

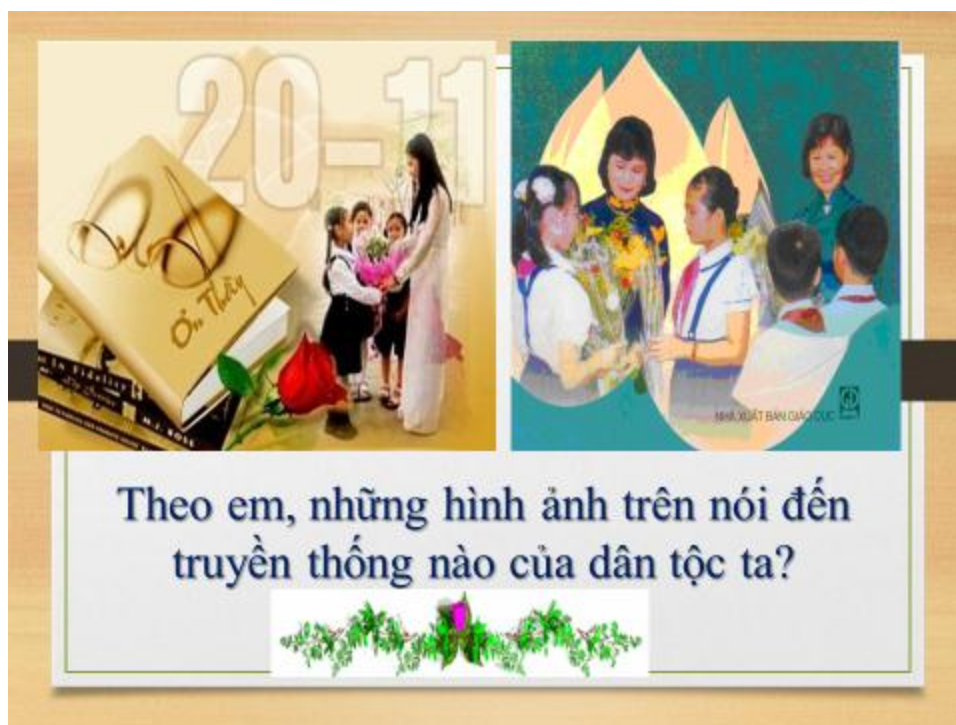
TUẦN 10, 11 : TỪ NGÀY 8/11 ĐẾN NGÀY 19/11/2021

BÀI 4: TÔN SƯ TRỌNG ĐẠO (2 tiết)

A. NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:

TÌM HIỂU BÀI HỌC :

Truyện đọc: **“Bốn mươi năm vẫn nghĩa nặng tình sâu”** (HS tự đọc và tìm hiểu truyện)



Câu 1: Thế nào là tôn sư trọng đạo?

Câu 2: Thảo luận nhóm :

Nhóm 1: Em hãy nêu những biểu hiện thể hiện sự kính trọng và lòng biết ơn thầy cô giáo?

Nhóm 2: Em hãy nêu những biểu hiện thể hiện thiếu tôn trọng thầy cô của một số HS trong thời gian gần đây?

Câu 3 : Biểu hiện của tôn sư trọng đạo?

Câu 4 : Hãy tìm những bài hát thể hiện tôn sư trọng đạo?

Câu 5: Ý nghĩa của tôn sư trọng đạo?

HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP:

Câu 1: Thế nào là tôn sư trọng đạo?

a. Tôn sư: Tôn trọng, kính yêu và biết ơn với những người làm thầy giáo, cô giáo (đặc biệt đối với những thầy cô đã dạy mình) ở mọi lúc mọi nơi.

b. Trọng đạo:

- Coi trọng những điều thầy dạy
- Trọng đạo lý làm người

Câu 2: Thảo luận nhóm :

Nhóm 1: Em hãy nêu những biểu hiện thể hiện sự kính trọng và lòng biết ơn thầy cô giáo?

- Tôn trọng thầy cô: chào hỏi, xin phép, thưa gửi...
- Thực hiện tốt nhiệm vụ của người học sinh.
- Thăm hỏi khi thầy cô ốm đau, nhân ngày lễ tết.
- Luôn làm những điều tốt theo lời thầy cô dạy...

Nhóm 2: Em hãy nêu những biểu hiện thể hiện thiếu tôn trọng thầy cô của một số HS trong thời gian gần đây?

- Có thái độ vô lễ với thầy cô: gặp không chào hỏi, nói trống không, nói leo, nói chuyện trong giờ học...
- Sử dụng tài liệu, quay cóp trong khi làm bài, không học bài không làm bài tập về nhà.
- Không thực hiện đúng nội qui nhà trường đề ra.

Câu 3 : Biểu hiện của tôn sư trọng đạo?

- Tình cảm, thái độ làm vui lòng thầy cô giáo.
- Hành động thăm hỏi, đền ơn đáp nghĩa

Câu 4 : Hãy tìm những bài hát thể hiện tôn sư trọng đạo?

☐ Bụi phấn.

- ☐ Người thầy.
- ☐ Khi tóc thầy bạc trắng.
- ☐ Bông hồng tặng cô.
- ☐ Bài ca người giáo viên nhân dân...

Câu 5: Ý nghĩa của tôn sư trọng đạo?

- Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chúng ta cần giữ gìn và phát huy.
- Là nét đẹp trong tâm hồn của mỗi con người.

C NỘI DUNG BÀI HỌC (HS ghi vào vở)

I. Tìm hiểu bài: truyền đọc (tự tìm hiểu)

II. Nội dung bài học:

1. Thế nào là tôn sư trọng đạo?

a. Tôn sư: Tôn trọng, kính yêu và biết ơn với những người làm thầy giáo, cô giáo (đặc biệt đối với những thầy cô đã dạy mình) ở mọi lúc mọi nơi.

b. Trọng đạo:

- Coi trọng những điều thầy dạy
- Trọng đạo lý làm người

2. Biểu hiện của tôn sư trọng đạo?

- Tình cảm, thái độ làm vui lòng thầy cô giáo.
- Hành động thăm hỏi, đền ơn đáp nghĩa

3. Ý nghĩa của tôn sư trọng đạo?

- Là truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chúng ta cần giữ gìn và phát huy.
- Là nét đẹp trong tâm hồn của mỗi con người.
 - Ca dao, tục ngữ :
 - “**Nhất tự vi sư, bán tự vi sư**”
 - “Muốn sang thì bắt cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy
 - Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy

III. BÀI TẬP: Làm câu b,c trong sgk trang 19,20

III. BÀI TẬP CÙNG CỘ



Bài tập a(SGK-19) :Trong những hành vi sau đây,hành vi nào thể hiện thái độ tôn sư trọng đạo? Hành vi nào cần phê phán ? Vì sao?

Hành vi	Nhận xét
1. Ngày chủ nhật ,Nam ra chợ, gặp cô giáo cũ ,Nam đứng nghiêm bô mũ chào cô	Hành vi thể hiện tôn sư trọng đạo
2. Thấy Minh ra bài tập toán cho học sinh về nhà làm,mãi chơi nên Hoa không làm bài tập	Hành vi cần phê phán
3. Anh Thắng là một sinh viên đại học , nhân ngày nhà giáo Việt nam 20-11,anh Thắng đã viết thư thăm hỏi cô giáo cũ dạy anh từ hồi lớp 1;	Hành vi thể hiện tôn sư trọng đạo
4. Giờ trả bài tập làm văn ,An bị điểm kém .Vừa nhận đọc bài từ tay thầy giáo ,An đã vô nết và đút vào ngăn bàn;	Hành vi cần phê phán

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:
Cô Nguyễn Thị Dung . SĐT: 0976208153

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ TIẾNG ANH
TIẾNG ANH 7 – WEEK 10

UNIT 5: WORK AND PLAY
PART A (cont.): A5
PART B: It's time for recess (B1)

A5/ READ:

I. VOCABULARY:

1. essay	(n)	:	bài văn
2. event	(n)	:	sự kiện
3. author	(n)	:	tác giả
4. writing	(n)	:	tác phẩm
5. painting	(n)	:	bức họa
6. important	(a)	:	quan trọng
7. preposition	(n)	:	giới từ

B1/ LISTEN AND READ:

I. VOCABULARY:

1. recess	(n)	:	giờ ra chơi, giờ giải lao
→It's time for recess		:	Đến giờ ra chơi
2. bell	(n)	:	cái chuông, tiếng chuông
3. to ring	(v)	:	reo, vang lên
4. excited	(a)	:	phấn khởi, hào hứng
5. fun	(n)	:	trò vui
6. to chat	(v)	:	tán gẫu, nói chuyện phím
7. as well as		:	cũng như , và cũng
→My father grows as well as vegetables.			
8. blindman's bluff	(n)	:	trò chơi bịt mắt bắt dê
9. catch	(n)	:	trò rượt bắt
10. marbles	(n)	:	trò chơi bắn bi
11. to skip rope		:	nhảy dây
12. popular	(a)	:	phổ biến
13. activity	(n)	:	hoạt động
14. noisy	(a)	:	ồn ào
→ noise	(n)	:	sự ồn ào
→ make noise		:	làm ồn ào
→ noisily	(adv)	:	mọi người
15. indoors	(adv)	:	ở trong nhà, ở bên trong
16. outdoors	(adv)	:	ở bên ngoài, ở ngoài trời

II. GRAMMAR:

1. Review WH- Questions:

What + is / are + S + doing?

→ S + am / is / are + V-ing ...

What + do / does + S + usually do + at recess (after school)?

→ S + usually + V/ Vs/es ...

Ex: What is this boy doing?

→ He's playing catch.

Ex: What do you usually do at recess?

→ I usually talk with my friends.

2. Yes – No Questions:

Do / Does + S + do + at recess (after school)?

→ Yes, S + do / does.

→ No, S + don't / doesn't.

Ex: Do you usually do your homework after school?

→ Yes, I do.

REVISION FOR THE MIDTERM TEST –Grade 7

REWRITE

Dạng 1: Câu cảm thán

What + a/an + adj + N (đếm được, số ít) !

What + adj + N (không đếm được, số nhiều) !

1. The room is very beautiful.
→ What a beautiful room!
2. That day is very awful.
→ What an awful day!
3. The dress is very expensive.
→ What an expensive dress!
4. The weather is cold.
→ What cold weather!
5. These books are interesting.
→ What interesting books!

Dạng 2: Hỏi ngày sinh

What is + (your / his / her / noun's) + date of birth?

When is + (your / his / her / noun's) + birthday?

1. What is your date of birth?
When is your birthday?
2. What's her date of birth?
When is her birthday?
3. When is his birthday?
What is his date of birth?
4. What's his date of birth?
When is his birthday?
5. When is Nam's birthday?
What is Nam's date of birth ?

Dạng 3: Viết giờ

Giờ quá: khi số phút từ 1 đến 30

Cách 1: It's + giờ + số phút

Ex: It's five twenty. (5.20)

Cách 2: It's + số phút + past + giờ

Ex : It's half past five. (5.30)

Lưu ý: cách 2

15 phút: fifteen = a quarter

30 phút: thirty = half

1. It's six ten.
→ It's ten past six.
2. It's half past seven.
→ It's seven thirty.
3. It's two thirty.
→ It's half past two
4. It's eight twenty.
→ It's twenty past eight.
5. It's ten thirty
→ It's half past ten.

Dạng 4: Có người/ vật ở nơi nào đó

There is/ There are + số lượng + đồ vật/ người + in + nơi chốn.

Nơi chốn + has + số lượng + đồ vật/ người.

1. My house has a living room, a bed room and a bathroom
→ There is a living room, a bed room and a bath room in my house.
2. His room has a television and a computer.
→ There is a television and a computer in his room.
3. There is a dishwasher and an electric stove in the kitchen.
→ The kitchen has a dishwasher and an electric stove.
4. There is a sink, a tub and a shower in the bathroom.
→ The bathroom has a sink, a tub and a shower.
5. There are fruits and flowers on the table.
→ The table has fruits and flowers.

PRONUNCIATION OF “-s / -es”

/ɪz/: s, se, ce, x, sh, ch, ge, z → Ex: kisseses, danceses, boxeses, roseses, disheses, changeses, ...

/s/: t, p, k, f, th → Ex: develops, books, **laughs**, meets, months...

/z/: còn lại (m, n, b, d, o, a, i, u, e ...) → Ex: birds, lives, things, rooms ...

- | | | | |
|-----------------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------|
| 1. A. meet <u>s</u> | B. month <u>s</u> | <u>C. runs</u> | D. cook <u>s</u> |
| 2. <u>A. parents</u> | B. sister <u>s</u> | C. sign <u>s</u> | D. room <u>s</u> |
| 3. A. reader <u>s</u> | <u>B. laughs</u> | C. name <u>s</u> | D. grow <u>s</u> |
| 4. A. river <u>s</u> | B. number <u>s</u> | <u>C. classes</u> | D. photo <u>s</u> |
| 5. A. year <u>s</u> | <u>B. weeks</u> | C. day <u>s</u> | D. chair <u>s</u> |
| 6. A. job <u>s</u> | <u>B. apartments</u> | C. pictur <u>e</u> s | D. tabl <u>e</u> s |
| 7. A. dance <u>s</u> | <u>B. writes</u> | C. miss <u>e</u> s | D. teach <u>e</u> s |
| 8. A. eat <u>s</u> | B. look <u>s</u> | C. visit <u>s</u> | <u>D. grows</u> |
| 9. A. bus <u>e</u> s | B. box <u>e</u> s | <u>C. takes</u> | D. nurs <u>e</u> s |
| 10. A. say <u>s</u> | B. see <u>s</u> | <u>C. waits</u> | D. day <u>s</u> |

PASSAGE

A. There are four people (1)..... Lan's family. Her father is a doctor. He takes (2)..... of sick people in the hospital in HCM city. Her mother is a (3)..... at a primary school. She puts all kinds of books on racks and shelves. Minh is Lan's older brother. He (4)..... for Tuoi Tre newspaper. (5).....the weekend, they often go to the countryside to (6)..... Lan's grandparents.

- | | | | |
|---------------------------|----------------------------|---------------------|-------------------------|
| 1. A. at | B. on | <u>C. in</u> | D. up |
| 2. A. part | B. car | C. past | <u>D. care</u> |
| 3. A. doctor | <u>B. librarian</u> | C. nurse | D. student |
| 4. A. plays | B. does | C. has | <u>D. writes</u> |
| 5. A. For | <u>B. On</u> | C. To | D. With |
| 6. <u>A. visit</u> | B. tell | C. call | D. invite |

B. Students in my school are very interested (1) reading books. They (2) go to the school library which (3) from 7am to 4pm every weekday. The library has many shelves with lots of books: readers, novels, (4) books, science books...In the library, there is always a (5) who helps students find the books they want. The school library is very (6) in developing children's love for books.

- | | | | |
|---------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------|
| 1. A. to | B. on | <u>C. in</u> | D. at |
| 2. A. never | <u>B. usually</u> | C. hardly | D. not |
| 3. <u>A. opens</u> | B. closes | C. ends | D. begins |
| 4. A. video | B. area | <u>C. reference</u> | D. table |
| 5. A. teacher | B. gymnast | <u>C. librarian</u> | D. assistant |
| 6. A. use | B. useless | <u>C. useful</u> | D. using |

C. One of the world's largest(1) is the United States' Library of Congress. It is.....(2) Washington D.C, the capital of(3) USA. It(4) copies of all American books. It contains over 100(5) books. It has about 1000 kilometers of(6). And it also has over 5000 employees.

- | | | | |
|-------------------------|----------------------------|---------------------|---------|
| 1. A. library | <u>B. libraries</u> | C. bookstores | D. room |
| 2. A. at | B. on | <u>C. in</u> | D. near |
| 3. <u>A. the</u> | B. a | C. an | D. Ø |

- | | | | |
|----------------|--------------------------|---------------------------|-------------|
| 4. A. get | B. receive | <u>C. receives</u> | D. have |
| 5. A. millions | <u>B. million</u> | C. meter | D. hundreds |
| 6. A. shelf | B. case | <u>C. shelves</u> | D. shelves |

TRUE/FALSE

A. It's a modern kitchen, nice and clean with a lot of things. There is a washing machine, a fridge, and an electric stove, but there isn't a dishwasher. There are some lovely pictures on the walls, but there aren't any photographs. There's a radio near the stove. There are some flowers and plants on the windows. On the table, there are some apples and oranges. And there are some glasses and plates next to the sink.

➤ TRUE OR FALSE

- | | |
|---|----------|
| 1. The kitchen is modern, clean and nice. | TRUE |
| 2. There are few things in the kitchen. | FALSE... |
| 3. You can see some photos there. | FALSE |
| 4. There are some fruits on the table. | TRUE |

➤ MULTIPLE CHOICE

5. Some and flowers are on the windows.
 A. plans **B. plants** C. pictures D. fruits
6. The sink is next to
 A. some plates B. some glasses C. glasses and plates **D. some glasses and plates**

B. Lan lives with her parents and her brother. Her father is a doctor. Her works in a hospital. He **takes care of** sick children. Her mom is an English teacher. She teaches in a high school. Lan's brother is older than she. His name is Son and he works as a journalist. He writes for The Youth newspaper.

➤ TRUE OR FALSE

- | | |
|--|--------|
| 1. There are four people in Lan's family | TRUE |
| 2. Her mom teaches English. | TRUE |
| 3. Lan has a younger brother. | FALSE. |
| 4. His brother is a doctor. | FALSE |

➤ MULTIPLE CHOICE

5. The phrase "takes care of" in the second line means :
 A. **looks after** B. look for C. takes part in D. careful
6. Lan's brother writes for.....
 A. The Young newspaper B. The Youth magazine
 C. **The Youth newspaper** D. The Young magazine

C. Hoa has her new timetable. Her lessons begin at nine each morning and last until half past ten. Then she has a break for a quarter of an hour. During this time, Hoa usually talks to her friends. She has five periods in the morning and three on the afternoon. Her favorite subjects are English and Math. The first term lasts four months from September to December.

➤ TRUE OR FALSE

- | | |
|--|--------|
| 1. Hoa's school day starts at 9 a.m. | TRUE |
| 2. She usually talks to her friends in the lesson. | FALSE |
| 3. She has 8 periods on the day. | TRUE |
| 4. English and Physics are her favorite subjects. | FALSE. |

➤ **MULTIPLE CHOICE**

5. Hoa's breaktime is
A. **15 minutes** B. 30 minutes C. an hour D. half of an hour
6. November is a month in the..... term.
A. one **B. first** C. second D. two

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ DIỄM TRANG-ĐT :0774985155

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7
(Từ ngày 8/11/2021 đến 13/11/2021)

TUẦN 10

A. LÝ THUYẾT:

ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7

Câu 1: Những phát minh khoa học – kĩ thuật nào có giá trị chủ yếu để người châu Âu có thể thực hiện các chuyến đi bằng đường biển?

- A. Tàu có bánh lái.
- B. Hệ thống buồm nhiều tầng.
- C. La bàn.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 2: Ai là người đầu tiên đã đến được Ấn Độ bằng đường biển?

- A. B đi-a-xơ
- B. Va-xcô đơ Ga-ma
- C. Cô-lôm-bô
- D. Ph.Ma-gien-lan.

Câu 3: Ai là người đến châu Mỹ đầu tiên nhưng lại cho rằng đó là Ấn Độ

- A. Ph.Ma-gien-lan
- B. Cô-lôm-bô
- C. Đi-a-xơ
- D. Va-xcô đơ Ga-ma

Câu 4: Ai là người đầu tiên thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới?

- A. Đoàn thám hiểm của Ph.Ma-gien -Lan.

- B. Đoàn thám hiểm của Đi-a-xơ.
- C. Đoàn thám hiểm của Va-xơ đơ Ga ma.
- D. Đoàn thám hiểm của Cô-lôm-bô.

Câu 5: Cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?

- A. Tầng lữ quý tộc.
- B. Công nhân, quý tộc.
- C. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc.
- D. Thương nhân, quý tộc.

Câu 6: Những nước nào đứng đầu trong cuộc phát kiến địa lí?

- A. Anh Pháp.
- B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
- C. Đức, Ý.
- D. Pháp, Bồ Đào Nha.

Câu 7: Giai cấp tư sản được hình thành từ đâu?

- A. Chủ đồn điền.
- B. Chủ xưởng.
- C. Thương nhân giàu có.
- D. Câu A, B, C đều đúng.

Câu 8: Đông Nam Á hiện nay có bao nhiêu quốc gia?

- A. 9
- B. 10
- C. 11
- D. 12

Câu 9: Đông Nam Á chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt, đó là:

- A. Mùa khô và mùa mưa.
- B. Mùa khô và mùa lạnh.
- C. Mùa đông và mùa xuân.
- D. Mùa thu và mùa hạ.

Câu 10: Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII, tình hình Đông Nam Á có điểm gì nổi bật?

- A. Hình thành các quốc gia phong kiến.
- B. Các quốc gia phong kiến phát triển thịnh đạt.
- C. Các quốc gia phong kiến bước vào thời kì suy yếu.
- D. Bị xáo trộn do cuộc tấn công của quân Mông Cổ.

Câu 11: Vương quốc Pa-gan là tiền thân của quốc gia nào sau đây?

- A. Lào.
- B. Mi-an-ma.
- C. Cam-pu-chia.
- D. Ma-lai-xi-a.

Câu 12: Đến những thế kỉ đầu công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng kim loại gì?

- A. Đồng.
- B. Vàng.
- C. Sắt.
- D. Thiếc.

Câu 13: Vương quốc Su-khô-thay là tiền thân của quốc gia nào hiện nay?

- A. Thái Lan.
- B. Mi-an-ma.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. In-đô-nê-xi-a.

Câu 14: Khu di tích đền tháp Ăng-co Vát là của nước nào?

- A. Thái Lan.
- B. Cam-pu-chia.
- C. Việt Nam.
- D. Lào.

Câu 15: Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi xưng là “Hoàng đế” có ý nghĩa gì?

- A. Đinh Bộ Lĩnh muốn nước ta trở thành một nước lớn.
- B. Đinh Bộ Lĩnh khẳng định nước ta độc lập và ngang hàng với Trung Quốc.
- C. Đinh Bộ Lĩnh muốn khẳng định năng lực của mình.
- D. Đinh Bộ Lĩnh không muốn bắt chước Ngô Quyền.

Câu 16: Quốc hiệu của nước ta dưới thời Đinh Bộ Lĩnh là gì?

- A. Đại Việt.
- B. Vạn Xuân.
- C. Đại Cồ Việt.
- D. Nam Việt.

Câu 17: Vua Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu là gì?

- A. Thái Bình
- B. Thiên Phúc
- C. Hưng Thống
- D. Ứng Thiên

Câu 18: Lê Hoàn chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống giành thắng lợi ở đâu?

- A. Ở sông Như Nguyệt.
- B. Ở Chi Lăng-Xương Giang.
- C. Ở Rạch Gầm-Xoài mút.
- D. Ở sông Bạch Đằng.

Câu 19. Ý nghĩa của kháng chiến chống quân xâm lược Tống?

- A. Biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của nhân dân ta.
- B. Chứng tỏ 1 bước phát triển của đất nước.
- C. Chứng tỏ khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Việt.
- D. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 20: Nhà Tiền Lê đã làm gì để phát triển sản xuất?

- A. Mở rộng việc khai khẩn đất hoang.
- B. Chú trọng công tác thủy lợi đào vét kênh ngòi.
- C. Tổ chức lễ Cày tịch điền.
- D. Tất cả câu trên đều đúng.

Câu 21: Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lý vào năm nào?

- A. 1008
- B. 1009
- C. 1010
- D. 1011

Câu 22: Nhà Lý đổi tên nước thành Đại Việt năm bao nhiêu?

- A. Năm 1010.
- B. Năm 1045.
- C. Năm 1054.
- D. Năm 1075.

Câu 23: Năm 1042 nhà Lý đã ban hành bộ luật gì?

- A. Hình thư.
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hồng Đức.
- D. Thiên Đức.

Câu 24: Tại sao Lý Công Uẩn dời đô về Đại La (Thăng Long)?

- A. Đây là nơi tụ hội quan yếu của bốn phương.
- B. Đây là vùng mặt đất rộng mà bằng phẳng.
- C. Muôn vật hết sức tươi tốt và phồn thịnh.
- D. Tất cả câu trên đúng.

Câu 25: Nhà Lý chia nước ra bao nhiêu lộ, phủ?

- A. 24 lộ phủ.
- B. 22 lộ phủ.
- C. 40 lộ phủ.
- D. 42 lộ phủ.

Câu 26: Tác dụng của chính sách “ngụ binh ư nông”?

- A. Tạo điều kiện để phát triển nông nghiệp.
- B. Tạo điều kiện có thêm lực lượng vũ trang khi có chiến tranh.
- C. Giảm bớt ngân quỹ chi cho quốc phòng.
- D. Thời bình thì tăng thêm người sản xuất, khi có chiến tranh tất cả đều sung vào lính, nên lực lượng vẫn đông.

Câu 27: Nhà Lý gả công chúa và ban chức tước cho các tù trưởng dân tộc nhằm mục đích gì?

- A. củng cố khối đoàn kết dân tộc.
- B. Tạo sức mạnh trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
- C. củng cố nền thống nhất quốc gia.
- D. Tất cả các câu trên đều đúng.

Câu 28: Tại sao nhà Tống quyết tâm xâm chiếm Đại Việt?

- A. Do nhà Lý không chấp nhận tước vương của nhà Tống.
- B. Do sự xúi dục của Cham-pa.
- C. Do khó khăn về tài chính và sự quấy nhiễu của các tộc người Liêu - Hạ ở biên cương.

D. Do giai đoạn này nhà Tống hùng mạnh.

Câu 29: Ai là người chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống những năm 1075 – 1077?

A. Lý Công Uẩn.

B. Lý Thường Kiệt.

C. Lý Thánh Tông.

D. Lý Nhân Tông.

Câu 30: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn thế mạnh của giặc” Đó là câu nói của ai?

A. Trần Quốc Tuấn.

B. Trần Thủ Độ.

C. Lý Thường Kiệt.

D. Lý Công Uẩn.

Câu 31: Năm 1075, Lý Thường Kiệt chỉ huy đánh chiếm căn cứ nào của nhà Tống?

A. Thành Châu Khâm.

B. Thành Châu Liêm.

C. Thành Ung Châu.

D. Tất cả các căn cứ trên.

Câu 32: Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, làm suy yếu ý chí của quân Tống Lý Thường Kiệt đã làm gì?

A. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống.

B. Ban thưởng cho quân lính.

C. Sáng tác bài thơ thần “Nam quốc sơn hà”.

D. Cho quân lính ăn tiệc.

Câu 33: Sau khi rút quân về nước, Lý Thường Kiệt cho xây dựng hệ thống phòng ngự ở đâu?

- A. Sông Bạch Đằng.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Như Nguyệt.
- D. Sông Thao.

Câu 34: Tại sao Lý Thường Kiệt là chủ động giảng hòa?

- A. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước là truyền thống nhân đạo của dân tộc.
- B. Lý thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.
- C. Để bảo toàn lực lượng của nhân dân.
- D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 35: Tại sao nông nghiệp thời Lý phát triển?

- A. Triều đình khuyến khích việc khai khẩn đất hoang.
- B. Triều đình chăm lo công tác thủy lợi.
- C. Triều đình cấm giết hại trâu, bò.
- D. Tất cả các câu trên đúng.

Câu 36: Giai cấp nào, tầng lớp nào là lực lượng sản xuất chủ yếu trong xã hội phong kiến thời Lý?

- A. Giai cấp nông dân.
- B. Giai cấp công nhân.
- C. Tầng lớp thợ thủ công.
- D. Tầng lớp nông nô.

Câu 37: Để khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển, hàng năm vào mùa xuân các vua Lý thường làm gì?

- A. Lễ tế trời đất.

- B. Lễ cày tịch điền.
- C. Lễ ban cấp ruộng đất cho nông dân.
- D. Lễ đại triều.

Câu 38: Chùa Một Cột ở Hà Nội được xây dựng trong thời kì nào?

- A. Thời nhà Tiền Lê.
- B. Thời nhà Trần.
- C. Thời nhà Hồ Lê.
- D. Thời nhà Lý.

Câu 39: Văn Miếu được xây dựng vào năm nào?

- A. Năm 1060.
- B. Năm 1070.
- C. Năm 1075.
- D. Năm 1080.

Câu 40: Hãy điền vào chỗ trống câu sau đây: “Phong cách nghệ thuật đa dạng, độc đáo và linh hoạt của nhân dân ta thời Lý đã đánh dấu sự ra đời của một nền văn hóa riêng biệt của dân tộc.....”

- A. Văn hóa Hoa Lư.
- B. Văn hóa Đại Nam.
- C. Văn hóa Đại La.
- D. Văn hóa Thăng Long.

Câu 41: Cuộc phát kiến địa lí đầu tiên được tiến hành vào thế kỉ nào?

- A. Thế kỉ XIV
- B. Thế kỉ XV
- C. Thế kỉ XVI
- D. Thế kỉ XVII

Câu 42: Ai là người đầu tiên đã đến được Ấn Độ bằng đường biển?

- A. Đi-a-xơ
- B. Va-xcôđơ Ga-ma
- C. Cô-lôm-bô
- D. Ph.Ma-gien-la

Câu 43: Ai là người tìm ra châu Mỹ ?

- A. Va-xcô đơ Ga-ma
- B. Ma-gien-lan
- C. Cô-lôm-bô
- D. Tất cả các nhà thám hiểm trên

Câu 44: Hai giai cấp cơ bản trong xã hội tư bản chủ nghĩa ở châu Âu là

- A. Tư sản và tiểu tư sản
- B. Tư sản và vô sản.
- C. Tư sản và công nhân
- D. Tư sản và nông dân

Câu 45: Những phát minh khoa học – kĩ thuật nào có giá trị chủ yếu để người châu Âu có thể thực hiện các chuyến đi bằng đường biển?

- A. Hải đồ
- B. Kĩ thuật đóng tàu
- C. La bàn
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 46: Chủ nghĩa tư bản ở châu Âu được hình thành trên cơ sở nào?

- A. Sự phá sản của chế độ phong kiến
- B. Sự xuất hiện các thành thị trung đại.
- C. Vốn và công nhân làm thuê.
- D. Thu vàng bạc, hương liệu từ Ấn Độ và phương Đông.

Câu 47: Vì sao người nông nô phải làm thuê trong các xí nghiệp của tư bản?

- A. Họ không muốn lao động bằng nông nghiệp

- B. Họ thấy vào xí nghiệp tư bản dễ sống hơn
- C. Họ bị tư bản và phong kiến cướp ruộng đất
- D. Tất cả những lí do trên

Câu 48: Đông Nam Á chịu ảnh hưởng chủ yếu gió mùa, tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt đó là:

- A. Mùa khô và mùa mưa
- B. Mùa khô và mùa xuân
- C. Mùa khô và mùa hanh
- D. Mùa thu và mùa hạ

Câu 49: Đến những thế kỉ đầu công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng kim loại gì?

- A. Thiếc
- B. Vàng
- C. Sắt
- D. Đồng

Câu 50: Thời kì phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?

- A. Từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII
- B. Cuối thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XVIII
- C. Cuối thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIX
- D. Từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIX

Câu 51: Giữa thế kỉ XIX, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á đều trở thành thuộc địa của chủ nghĩa thực dân phương Tây, trừ nước nào?

- A. Việt Nam
- B. Thái Lan
- C. Phi-lip-pin
- D. Xin-ga-po

Câu 52: Khu vực Đông Nam Á ngày nay gồm bao nhiêu quốc gia?

A.10

B.11

C.12

D.13

Câu 53: Những sự kiện nào chứng tỏ thời kì Ăng-co đất nước Cam-pu-chia rất phát triển

A. Nông nghiệp phát triển

B. Dùng vũ lực mở rộng lãnh thổ về phía đông, sang hạ lưu sông Mê Nam và vùng trung lưu Mê Công

C. Kinh đô Ăng-co được xây dựng như 1 thành phố với những đền tháp đồ sộ và độc đáo nổi tiếng thế giới

D. Cả 3 câu trên đều đúng

Câu 54: Vương quốc Su-khô-thay là tiền thân của quốc gia nào hiện nay?

A. Mi-an-ma

B. Thái Lan

C. Xin-ga-po

D. . Ma-lai-xi-a

Câu 55: Quốc hiệu của nước ta dưới thời Đinh, Tiền Lê là gì?

A. Đại Việt

B. Vạn Xuân

C. Đại Cồ Việt

D. Đại Ngu

Câu 56: Kinh đô Hoa Lư thời Đinh Tiên Hoàng nay thuộc tỉnh nào?

A. Tỉnh Hà Nam

B. Tỉnh Ninh Bình

C. Tỉnh Nam Định

D. Tỉnh Thái Bình

Câu 57: Những việc làm nào của Đinh Bộ Lĩnh cho thấy tinh thần tự chủ tự cường, khẳng định chủ quyền quốc gia dân tộc?

- A. Lên ngôi Hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt
- B. Đóng đô ở Hoa Lư
- C. Đặt niên hiệu là Thái Bình
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 58: Lê Hoàn lên ngôi vua trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào?

- A. Nội bộ triều đình mâu thuẫn sau khi Đinh Tiên Hoàng mất
- B. Đinh Tiên Hoàng mất. Vua kế vị còn nhỏ nhà Tống chuẩn bị xâm lược nước ta
- C. Thế lực Lê Hoàn mạnh, ép nhà Đinh nhường ngôi
- D. Đinh Tiên Hoàng mất, các thế lực trong triều ủng hộ Lê Hoàn

Câu 59: Khi Lê Hoàn lên ngôi vua nước ta phải đối phó với quân xâm lược nào?

- A. Nhà Minh ở Trung Quốc
- B. Nhà Tống ở Trung Quốc
- C. Nhà Đường ở Trung Quốc
- D. Nhà Hán ở Trung Quốc

Câu 60: Ý nghĩa của kháng chiến chống quân xâm lược Tống của Lê Hoàn?

- A. Biểu thị ý chí quyết tâm chống ngoại xâm của nhân dân ta
- B. Chứng tỏ 1 bước phát triển của đất nước
- C. Chứng tỏ khả năng bảo vệ độc lập dân tộc của Đại Cồ Việt
- D. Tất cả các câu trên đúng

Câu 61: Lý Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lý vào năm nào?

- A. Năm 1008
- B. Năm 1009
- C. Năm 1010

D. Năm 1011

Câu 62: Năm 1054, nhà Lý đã đổi tên nước là gì?

A. Đại Cồ Việt

B. Đại Việt

C. Đại Ngu

D. Đại Nam

Câu 63: Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta có tên là gì?

A. Hoàng Việt luật lệ

B. Luật Hồng Đức

C. Hình luật

D. Hình thư

Câu 64: Quân đội của nhà Lý gồm có những bộ phận nào?

A. Dân binh, công binh.

B. Cấm quân, quân địa phương.

C. Cấm quân, công binh

D. Dân binh, ngoại binh

Câu 65: Đơn vị hành chính ở địa phương lớn nhất dưới thời Lý là gì?

A. Lộ

B. Đạo

C. Phủ

D. Châu

Câu 66: Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long vì?

A. Đất nước đã hòa bình, ổn định cần có điều kiện thuận lợi để phát triển

B. Hoa Lư là vùng đất hẹp, nhiều núi đá, hạn chế sự phát triển lâu dài của đất nước

C. Địa thế của Thăng Long rất thuận lợi về giao thông và phát triển đất nước lâu dài.

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

Câu 67: Thế nào là chính sách “ngụ binh ư nông”?

A. Cho quân sĩ địa phương luân phiên về cày ruộng, khi cần triều đình sẽ điều động

B. Cho toàn bộ quân địa phương về quê sản xuất, khi cần sẽ điều động

C. Cho cấm quân luân phiên nhau về sản xuất, khi cần triều đình sẽ điều động

D. Cho những quân sĩ hết tuổi quân đội về quê sản xuất

Câu 68: Vào giữa thế kỉ XI nhà Tống đã làm gì giải quyết những khó khăn trong nước?

A. Đánh hai nước Liêu - Hạ.

B. Đánh Đại Việt để khống chế Liêu - Hạ

C. Đánh Cham-pa để mở rộng lãnh thổ

D. Tiến hành cải cách, củng cố đất nước

Câu 69: Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã có chủ trương gì?

A. Đánh du kích

B. Phòng thủ

C. Đánh lâu dài

D. “Tiến công trước để tự vệ”

Câu 70: Cánh quân bộ của quân Tống tiến sang Đại Việt do ai chỉ huy?

A. Quách Quỳ, Triệu Tiết

B. Hòa Mâu, Ô Mã Nhi

C. Liễu Thăng, Triệu Tiết

D. Hầu Nhân Bảo, Vương Thông

Câu 71: Để khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ, làm suy yếu ý chí của quân Tống Lý Thường Kiệt đã làm gì?

A. Tập chung tiêu diệt nhanh quân Tống.

- B. Ban thưởng cho quân lính
- C. Sáng tác bài thơ thần “Nam quốc sơn hà”
- D. Cả 3 ý trên

Câu 72: Ai là người tổng chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược thời Lý?

- A. Lý Kế Nguyên
- B. Vua Lý Thánh Tông
- C. Lý Thường Kiệt
- D. Tôn Đản

Câu 73: Để chuẩn bị chiến tranh lâu dài với quân Tống, sau khi mở cuộc tấn công vào đất Tống, Lý Thường Kiệt đã làm gì?

- A. Tạm thời hòa hoãn với quân Tống để củng cố lực lượng trong nước
- B. Cho xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt
- C. Tấn công, đập tan cuộc chiến tranh xâm lược của Cham-pa ở phía Nam.
- D. Đón địch, tiêu diệt lực lượng của địch ngay khi chúng vừa đặt chân đến.

Câu 74: Tại sao nông nghiệp thời Lý phát triển?

- A. Triều đình khuyến khích việc khai khẩn đất hoang, mở rộng diện tích canh tác
- B. Triều đình chăm lo công tác thủy lợi.
- C. Triều đình cấm giết hại trâu bò, nông dân có điều kiện sản xuất.
- D. Tất cả các ý trên đều đúng.

Câu 75: Dưới thời Lý, giai cấp địa chủ bao gồm những thành phần nào?

- A. Một số hoàng tử, công chúa
- B. Một số quan lại nhà nước.
- C. Một ít dân thường do có nhiều ruộng đất
- D. Một số hoàng tử, công chúa, quan lại nhà nước, và một ít dân thường do có nhiều ruộng đất.

Câu 76: Một trong những đặc điểm của khoa cử thời Lý là:

- A. Chế độ thi cử chưa có nề nếp, qui củ, khi nào triều đình cần mới mở khoa thi
- B. Mỗi năm đều có khoa thi.
- C. 5 năm một lần triều đình tổ chức khoa thi.
- D. Chương trình thi cử dễ dàng nên số người đỗ đạt cao

Câu 77: Nhà Lý xây dựng Văn Miếu – Quốc Tử Giám để làm gì?

- A. Là nơi gặp gỡ của quan lại
- B. Vui chơi giải trí.
- C. Dạy học cho con vua, quan, tổ chức các kì thi.
- D. Đón tiếp sứ thần nước ngoài

Câu 78: Hải cảng sầm uất và phát triển nhất thời Lý là

- A. Hội An.
- B. Vân Đồn
- C. Hội Thống.
- D. Hội Triều.

Câu 79: Việc làm nào thể hiện tính thân dân và quan tâm tới nông nghiệp của các vua Lý?

- A. Về các địa phương xem xét tình hình sản xuất
- B. Về các địa phương cày tịch điền
- C. Khuyến khích khai hoang
- D. Ban hành lệnh cấm giết hại trâu, bò

Câu 80: Về điêu khắc, hình tượng nghệ thuật độc đáo và phổ biến nhất thời Lý là:

- A. Hoa văn hình hoa sen
- B. Hoa văn hình rồng
- C. Hoa văn chim lạc.
- D. Hoa văn hình người.

-Hết-

C. DẶN DÒ

CHUẨN BỊ NỘI DUNG ÔN TẬP TIẾT SAU KT GIỮA KÌ

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Thầy Phách: 0908787875

Cô Hằng: 0981678786

Thầy Chính: 0967293940

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC TẬP ANH 7- TUẦN 10

UNIT 5: WORK AND PLAY (A 5, B 1)

I. Choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

1. In..... , we study past events in Viet Nam and around the world. (History / Literature / Geography / English)
2. Vietnamese students often talk together at..... (present / recess / the moment / school)
3. Ito do this math question now . (try / is trying / are trying / am trying)
4. American student take part..... different activities at recess. (on / for / to / in)
5. Nam writes the answer on thewith a piece of chalk. (paper / newspaper / blackboard / notebook)
6. What is Mom doing ? –.....cooking. (She's / She / She doing / She's doing)
7. Mai learnsto use a computer. (what / where / when / how)
8. We have twenty-minute break every day. (time / semester / recess / school day)
9. At school, we learna lot of things. (at / to / with / about)
10. Chatting with friends is theway of relaxing at recess. (good / popular / easy / pleasant)
11. Blind man's bluff is a..... (sport / exercise / game / thing)
12. We study how to repair household appliances in (Math/ Art/ English/ Electronics)
13. We have twenty-minute break every day. (time / semester / recess / school day)
14. At school, we learna lot of things. (at / to / with / about)
15. Chatting with friends is theway of relaxing at recess. (good / popular / easy / pleasant)
16. Blind man's bluff is a..... (sport / exercise / game / thing)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence.

1. playing/ like/ students/ some/ are/ games/ catch/ or/ blindman's bluff.
→
2. essays. / and / I / Literature, / learn / books / write / in / about
→
3. in / to / do / learn / play / sports? / what / you
→
4. Mai? / like / subjects / you / most, / which / do
→
5. be / English / practice / every / to / good / it./ we / our / day / at
→

III. Supply the correct forms of the words in brackets.

1. We study about different.....in Geography (country)
2. Mai does some.....(experience)
3. My father is repairing some household.....(apply)
4. In History, students learn aboutdays. (importance)
5. We learn how to.....words in English. (pronunciation)

6. This.....is very beautiful. (paint)
7. The yard is very.....at recess. (noise)
8. Chatting is a popular..... (act)
9. History is an subject. (interest)
10. The most popular after-school are football and volleyball. (act)

IV. Rewrite the following sentences, beginning with the words given.

1. Lan is very good at English.
→ Lan
2. Which subject do you like best?
→ What?
3. How much do the cake cost ?
→ How much
4. Lan is 13 years old. Hoa is 13 years old.
→ Hoa is
5. What is Hoa's favorite subject?
→ Which?
6. What is the price of your bike?
→ How?
7. The black car is cheaper than the red car
→ The red car.....?
8. Lan learns Math very well.
→ Lan is
9. He is good at Electronics.
→ He learns
10. Which subject does she like best?
→ What?